TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 51/2017/HSST
Ngày: 22 - 9 - 2017.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lê Xuân Thuật.
2. Ông: Trịnh Ngọc Tuấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2017/HSST ngày 08 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Vi Văn T, sinh năm 1996; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Nghệ An; trú tại: thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; dân tộc: Thái; nghề nghiệp trước khi bị bắt: công nhân; trình độ văn hóa: lớp 6/12; con ông: Vi Văn N và bà: Vi Thị T; vợ, con: chưa có; tiền sự, tiền án: chưa có; bị tạm giữ ngày 04 tháng 7 năm 2017, bị tạm giam ngày 13 tháng 7 năm 2017; có mặt.

2. Lò Văn S, sinh năm 1994; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: bản C, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; trú tại: thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; dân tộc: Thái; nghề nghiệp trước khi bị bắt: công nhân; trình độ văn hóa: lớp 10/12; con ông: Lò Văn L và bà: Lò Thị N; có vợ: Lò Thị B và một con; tiền sự, tiền án: chưa có; bị tạm giữ ngày 04 tháng 7 năm 2017, bị tạm giam ngày 13 tháng 7 năm 2017; có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH chế tạo phụ tùng xe gắn máy Z
Địa chỉ: Khu công nghiệp P, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Đỗ Thị Như Q, sinh năm 1983
Trú tại: N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Vi Thị K, sinh năm 1993;
Trú tại: thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vi Văn T và Lò Văn S có thời gian làm việc tại Công ty TNHH chế tạo phụ tùng xe máy Z (sau đây gọi là Công ty Z) tại Khu công nghiệp P, xã N, huyện Y nhưng đã nghỉ việc và cùng làm công nhân tại Công ty TNHH V. Khoảng 17 giờ ngày 03 tháng 7 năm 2017, T mượn xe mô tô Honda Wave biển số 37C1-075.xx của chị Vi Thị K đi đến nhà S ăn cơm. Đến 23 giờ cùng ngày T điều khiển xe mô tô chở S đi trên đường 380 thì nhìn thấy lực lượng cảnh sát cơ động, do cả hai không đội mũ bảo hiểm nên T điều khiển xe đi vào Công ty Z và được ông Nguyễn Chí N là bảo vệ đồng ý cho vào. Sau khi điều khiển xe đi vào phía sau công ty, lúc này khoảng 23 giờ 10 phút, thấy xưởng sản xuất chỉ khép cửa, không khóa nên T rủ S lấy trộm các thỏi nhôm. S đồng ý nên cả hai đẩy cửa vào bên trong rồi T lấy 04 thỏi nhôm, S lấy 05 thỏi nhôm mang ra để trên yên xe mô tô. T điều khiển xe còn S ngồi phía sau dùng áo che lại để tránh bị bảo vệ phát hiện rồi đi ra ngoài, khoảng 23 giờ 45 phút khi đang đi trên đường 39A thuộc địa phận thôn H, xã L thì bị lực lượng cảnh sát cơ động Công an tỉnh Hưng Yên phát hiện thu giữ 09 thỏi nhôm màu xám bạc.

Kết luận định giá tài sản số 23/KL-ĐG ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: 09 thỏi nhôm, tổng trọng lượng 69 kg giá trị 2.760.000 đồng (hai triệu bẩy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 53/QĐ-VKS-HS ngày 08 tháng 9 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên đã truy tố các bị cáo Vi Văn T và Lò Văn S về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi như cáo trạng của Viện kiểm sát.

KSV trình bày lời luận tội và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1 và 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự. Khoản 4 Điều 227 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với cả hai bị cáo.

Tuyên các bị cáo T, S phạm tội Trộm cắp tài sản: Xử các bị cáo T và S từ 6 đến 9 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do cho các bị cáo tại phiên tòa.

Trách nhiệm dân sự, vật chứng không giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác:

XÉT THẤY

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người liên quan, Biên bản vụ việc, vật chứng đã thu giữ, Kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu trong hồ sơ đã được kiểm tra xem xét tại phiên

tòa có đủ căn cứ xác định: Khoảng 23 giờ 10 phút ngày 03 tháng 7 năm 2017, do không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông nên khi phát hiện cảnh sát cơ dộng đi tuần tra, Vi Văn T đã điều khiển xe mô tô biển số 37C1-075.xx chở Lò Văn S vào Công ty Z. Sau khi đi vào được công ty, T và S đã vào xưởng đúc nguyên vật liệu lấy 09 thỏi nhôm tổng trọng lượng 69 kg giá trị 2.760.000 đồng. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản giá trị trên hai triệu đồng của các bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều đã có thời gian làm việc tại Công ty Z nhưng không những không làm việc để xây dựng công ty mà sau khi nghỉ việc đã chiếm đoạt tài sản của công ty ngay khi phát hiện sự sơ hở trong quản lý tài sản bất chấp hậu quả làm ảnh hưởng đến hoạt động của công ty và an ninh, trật tự trong khu công nghiệp do vậy cần có hình phạt tương xứng với tính chất của từng bị cáo trong đó bị cáo T là người khởi xướng nên mức độ phải cao hơn bị cáo S. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải; tài sản có giá trị không lớn đã thu hồi trả lại chủ sở hữu và hai bị cáo đều thuộc dân tộc ít người, phạm tội do bột phát để giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên sẽ cho hưởng án treo cũng có tác dụng cải tạo, giáo dục thành người có ích cho xã hội.

Vi Văn T và Lò Văn S không có tài sản, thu nhập không ổn định nên sẽ miễn hình phạt bổ sung phạt tiền cho các bị cáo.

Quá trình điều tra có đủ căn cứ xác định xe mô tô biển số 37C1-075.xx là tài sản hợp pháp của chị Vi Thị K, chị K không biết bị cáo T sử dụng xe vào việc phạm tội nên ngày 25 tháng 8 năm 2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ đã trả lại chị K chiếc xe mô tô và ngày 12 tháng 7 năm 2017 đã trả Công ty Z số tài sản bị trộm cắp; chị K và người đại diện theo ủy quyền của Công ty Z đã nhận lại tài sản không có yêu cầu đề nghị gì nên về trách nhiệm dân sự và vật chứng không đặt ra để xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Vi Văn T và Lò Văn S phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1 và 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự. Khoản 4 Điều 227 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Vi Văn T và Lò Văn S.

Xử phạt bị cáo Vi Văn T 07 (bẩy) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 năm 02 tháng (một năm hai tháng), kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22 tháng 9

năm 2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Lò Văn S 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22 tháng 9 năm 2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Vi Văn T và Lò Văn S nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí. Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Vi Văn T và Lò Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo; nguyên đơn dân sự, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các bị cáo;*
- *VKSND huyện Yên Mỹ;*
- *Công an huyện Yên Mỹ;*
- *Công an trại tạm giam;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRƯƠNG QUANG TÚ